



lán zi

篮子

noun · basket

Example Sentences

Tā tí zhe yī gè lán zi qù mǎi cài.
她提着一个篮子去买菜。

She carried a basket to buy groceries.

Lán zi lǐ zhuāng mǎn le shuǐ guǒ.
篮子里装满了水果。

The basket is full of fruit.

Trace each character, then write the word on your own.

篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮
篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮	篮			

子	子	子	子	子	子					
